

BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC ĐẾN NĂM 2030: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

TS. ĐÀO NGỌC BÁU*

Bài viết phân tích và dự báo bối cảnh thế giới và trong nước từ nay đến năm 2030, tập trung vào những dịch chuyển địa chính trị, xu hướng tái cấu trúc kinh tế và các thách thức an ninh phi truyền thống. Trên cơ sở đó, bài viết nhận diện các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới, đặc biệt trong việc thực hiện các mục tiêu về thể chế, khoa học - công nghệ, phát triển con người và kinh tế tư nhân. Từ đó, nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới tư duy quản trị quốc gia, nâng cao năng lực nội sinh và tận dụng hiệu quả các động lực bên ngoài để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững và hội nhập sâu rộng.

1. Bối cảnh thế giới và trong nước đến năm 2030

Thế giới bước vào thời kỳ đa cực bất định

Trong giai đoạn đến năm 2030, thế giới chứng kiến sự chuyển dịch từ trật tự đơn cực do Mỹ chi phối sang trạng thái “đa cực bất định”, nơi các cường quốc cạnh tranh, hợp tác và xung đột lợi ích đan xen. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, Ấn Độ và các quốc gia đang phát triển, cùng với sự điều chỉnh vai trò của các thể chế đa phương đang định hình một hệ thống toàn cầu phân mảnh và thiếu ổn định.

Mặc dù vẫn là quốc gia có sức mạnh tổng hợp vượt trội, song Mỹ đang điều chỉnh chiến

lược từ vai trò lãnh đạo toàn cầu sang vị thế cạnh tranh vì lợi ích quốc gia, thể hiện qua chính sách đối ngoại mang tính biệt lập và bảo hộ ngày càng rõ rệt. Chính quyền của Tổng thống D.Trump (nhiệm kỳ thứ hai từ năm 2025) có xu hướng tiếp tục rút lui khỏi các thể chế đa phương, áp đặt chính sách thương mại đơn phương, gia tăng áp lực kinh tế với cả đối tác lẫn đối thủ, làm giảm đáng kể lòng tin chiến lược của các nước đồng minh và đối tác.

Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục thực hiện chiến lược vươn ra toàn cầu với tham vọng “phục hưng dân tộc Trung Hoa”. Bên cạnh việc củng cố sức mạnh trong nước, Bắc Kinh tăng cường xuất khẩu mô hình phát triển kiểu “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc” như một đối

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

trọng với mô hình dân chủ phương Tây; đồng thời, từng bước thiết lập những “luật chơi” riêng trong trật tự toàn cầu thông qua Sáng kiến “Vành đai, Con đường” và các cơ chế tài chính song song với hệ thống Bretton Woods.

Tại châu Âu, cuộc chiến Nga - Ukraina đã phá vỡ thế cân bằng được thiết lập từ sau Chiến tranh lạnh. Bất chấp các biện pháp trừng phạt toàn diện, nước Nga tiếp tục theo đuổi chiến lược khẳng định vị thế cường quốc địa chính trị. Tình hình này làm gia tăng xu hướng tái vũ trang, chia rẽ nội bộ trong Liên minh châu Âu (EU) và đẩy khối này vào “thế giằng co” giữa an ninh và kinh tế.

Cùng lúc đó, tại các khu vực như Trung Đông, châu Phi và Mỹ Latinh, các xung đột cục bộ, chủ nghĩa cực đoan, khủng hoảng di cư và cạnh tranh tài nguyên đang tạo ra “vùng bất ổn dai dẳng”. Những khu vực này vừa là nơi thử nghiệm chính sách của các cường quốc, vừa là nguồn tạo ra các rủi ro lan tỏa như khủng bố xuyên quốc gia hay dòng người di cư ngoài kiểm soát.

Nhìn chung, thế giới đến năm 2030 sẽ không còn một trật tự rõ ràng như trước, mà sẽ vận hành theo logic của quyền lực mềm, quyền lực mạng lưới và sự điều chỉnh liên tục. Các quốc gia vừa và nhỏ như Việt Nam sẽ chịu tác động kép, *một mặt* là cơ hội mở rộng không gian chính sách; *mặt khác* là nguy cơ bị kéo vào cạnh tranh nước lớn nếu không có chiến lược đối ngoại linh hoạt và nội lực vững vàng.

Phân mảnh kinh tế và dịch chuyển chuỗi giá trị toàn cầu

Bức tranh kinh tế toàn cầu đến năm 2030 được định hình bởi ba đặc trưng chính: Tăng

trường chậm, cạnh tranh gay gắt và tái cấu trúc hệ thống. Hệ quả của đại dịch Covid-19, xung đột Nga - Ukraina và chủ nghĩa bảo hộ đã làm suy yếu niềm tin vào toàn cầu hóa kiểu cũ. Thế giới đang bước vào thời kỳ “toàn cầu hóa chọn lọc”, nơi các nước tìm cách duy trì chuỗi giá trị nhưng có tính toán địa chính trị rõ rệt.

Sự phân tách kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc là xu hướng điển hình. Cuộc chiến công nghệ và thương mại đã chuyển từ căng thẳng song phương sang định hình lại trật tự kinh tế thế giới. Mỹ thúc đẩy các sáng kiến “friend-shoring” (dịch chuyển sản xuất sang các nước đồng minh), trong khi Trung Quốc gia tăng chiến lược “tự lực tự cường” thông qua phát triển nội lực, kiểm soát công nghệ cốt lõi và đầu tư ra nước ngoài.

Việc Mỹ áp dụng các gói thuế quan phổ quát từ năm 2025 và gia tăng hàng rào kỹ thuật thương mại, kết hợp với chiến lược an ninh chuỗi cung ứng, đặt ra thách thức lớn đối với các nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu như Việt Nam. Đồng thời, xu hướng số hóa thương mại, kinh tế dữ liệu và kinh tế xanh đang làm thay đổi tiêu chuẩn cạnh tranh. Các yếu tố phi truyền thống như phát thải carbon, dữ liệu xuyên biên giới, tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) sẽ trở thành điều kiện tiên quyết để tham gia các chuỗi cung ứng thế hệ mới.

Gia tăng rủi ro an ninh phi truyền thống

Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng cả về quy mô và mức độ tác động. Biến đổi khí hậu với các hiện tượng thời tiết cực đoan như nước biển dâng, nắng nóng dài ngày và khủng hoảng nước sạch... trở

thành rủi ro nghiêm trọng đối với việc phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh quốc gia. Cùng với đó là nguy cơ xuất hiện các đại dịch mới với mức độ lây lan cao, trong khi năng lực y tế công cộng còn nhiều bất cập.

An ninh mạng nổi lên như chiến tuyến mới của cạnh tranh quốc tế, với các cuộc tấn công ngày càng tinh vi vào hệ thống tài chính, dữ liệu quốc gia và công nghệ lõi. Trong bối cảnh khuôn khổ pháp lý quốc tế về an ninh mạng còn sơ khai, các quốc gia có năng lực yếu hơn dễ trở thành điểm yếu trong chuỗi an ninh khu vực.

Đối với Việt Nam, các thách thức này vừa là ngoại sinh, vừa là nội sinh. Nếu không đầu tư tương xứng vào năng lực phòng ngừa, cảnh báo và hợp tác quốc tế, các rủi ro phi truyền thống có thể gây ra hậu quả về kinh tế - xã hội lan rộng và kéo dài.

Chuyển động cải cách trong nước: Từ thể chế đến động lực phát triển mới

Trong bối cảnh thế giới đầy biến động, Việt Nam đã chủ động bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu cốt lõi là đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực nội sinh và tái thiết nền tảng thể chế cho phát triển nhanh, bền vững. Trọng tâm của quá trình này là cải cách mạnh mẽ thể chế, hoàn thiện quản trị quốc gia, chuyển đổi số và phát triển các động lực tăng trưởng mới, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân, khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao.

Bốn nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị được ban hành trong giai đoạn 2024-2025 đã xác lập một “khung cải cách chiến lược” mang tính toàn diện, liên kết chặt chẽ giữa các lĩnh

vực, tạo nền tảng chính trị và pháp lý vững chắc cho mô hình phát triển giai đoạn 2025-2030. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW) xác định đây là động lực chính để phát triển nhanh và bền vững. Nghị quyết đặt mục tiêu đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%; đồng thời, thúc đẩy liên kết giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện trường trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo¹. Điều này chuyển hóa vai trò của khoa học, công nghệ từ lĩnh vực phụ trợ sang yếu tố trung tâm trong chiến lược phát triển quốc gia. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24-1-2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới khẳng định yêu cầu chuyển từ hội nhập thụ động sang hội nhập chủ động, toàn diện và có chọn lọc. Trong đó, việc tham gia định hình các “luật chơi toàn cầu mới”, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong các chuỗi cung ứng, tiêu chuẩn công nghệ và chuyển đổi xanh là ưu tiên hàng đầu². Đây không chỉ là chính sách đối ngoại, mà còn là công cụ chiến lược để mở rộng không gian phát triển và nâng cao vị thế quốc gia trong hệ thống quốc tế đang chuyển dịch. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30-4-2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết số 66-NQ/TW) đánh dấu bước ngoặt trong cải cách thể chế. Chuyển trọng tâm từ “ban hành nhiều luật”

sang “thi hành có hiệu quả”, nâng cao chất lượng dự báo chính sách và gắn kết pháp luật với yêu cầu quản trị hiện đại. Nghị quyết này đặt ra yêu cầu đồng bộ hóa hệ thống pháp luật, xây dựng văn hóa pháp quyền trong đời sống xã hội, tăng tính dự báo và minh bạch cho môi trường đầu tư - kinh doanh³. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW) khẳng định khu vực này là một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Với mục tiêu đến năm 2030 kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 55-58% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tầm nhìn đến năm 2045 đóng góp khoảng trên 60% GDP, nghị quyết yêu cầu tháo gỡ rào cản thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn, công nghệ và thị trường quốc tế. Đồng thời, định hướng phát triển khu vực tư nhân không chỉ về quy mô mà còn về chất lượng, hiệu quả, trách nhiệm xã hội và đổi mới sáng tạo⁴.

Bốn nghị quyết nói trên tạo nên một cấu trúc phát triển với “kiềng ba chân” là thể chế - hội nhập - pháp quyền và động lực trung tâm là khoa học - công nghệ cùng khu vực kinh tế tư nhân. Chúng không chỉ định hình trụ cột phát triển mới mà còn yêu cầu một sự thay đổi tư duy quản trị từ hành chính sang kiến tạo, từ phản ứng sang chủ động, từ ban hành chính sách sang đồng hành với thực tiễn. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình quản trị công, phát huy vai trò của chính quyền địa phương và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, bản lĩnh là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa mục tiêu phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Cơ hội và thách thức phát triển đối với Việt Nam đến năm 2030

Cơ hội chiến lược trong bối cảnh mới

Trong môi trường phát triển mới đang hình thành, Việt Nam đứng trước những cơ hội chiến lược quan trọng, đòi hỏi sự nắm bắt kịp thời và năng lực chuyển hóa hiệu quả để biến tiềm năng thành động lực thực tế.

Một là, sự phân mảnh và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu đang mở ra dư địa lớn để thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chất lượng cao. Với vị trí địa chiến lược quan trọng, độ mở kinh tế cao, chính trị ổn định và nguồn lao động dồi dào, Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn trong chiến lược “China+1” của nhiều tập đoàn đa quốc gia. Nếu kết hợp tốt giữa việc nâng cấp hạ tầng logistics, hoàn thiện thể chế ưu đãi và phát triển nhân lực chất lượng cao, Việt Nam hoàn toàn có thể chuyển dịch lên các mắt xích có giá trị cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Hai là, bối cảnh cạnh tranh giữa các mô hình phát triển trên thế giới mở ra cơ hội để Việt Nam thể hiện vai trò như một “hình mẫu trung dung”, kết hợp hài hòa giữa ổn định chính trị, hội nhập kinh tế và định hướng phát triển bền vững. Việc kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động tham gia định hình luật chơi quốc tế trong các khuôn khổ như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)... sẽ giúp Việt Nam tăng cường vị thế trong khu vực và quốc tế.

Ba là, các nỗ lực cải cách trong nước, đặc biệt là việc ban hành và triển khai đồng bộ bốn nghị quyết trụ cột đã tạo nền tảng thể chế vững chắc cho giai đoạn phát triển mới. Đây là cơ hội để tái cấu trúc mô hình tăng trưởng, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, lấy năng suất lao động, công nghệ và hiệu quả quản trị làm trung tâm.

Bốn là, cơ cấu dân số vàng vẫn là lợi thế trong vài năm tới. Nếu đi kèm với chiến lược phát triển nguồn nhân lực số và kỹ năng xanh - số, Việt Nam có thể xây dựng được đội ngũ lao động có năng lực thích ứng cao, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số và nền kinh tế tri thức. Đặc biệt, các lĩnh vực như công nghệ thông tin, logistics, thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số sẽ là những “vùng trũng cơ hội” cần được khai thác kịp thời.

Cuối cùng, sự dịch chuyển trọng tâm kinh tế - chiến lược toàn cầu về châu Á - Thái Bình Dương đang tạo ra không gian hợp tác mới. Với vai trò tích cực trong ASEAN và các diễn đàn đa phương, Việt Nam có thể phát huy vai trò chủ động trong quá trình định hình các chính sách khu vực, tham gia sâu hơn vào các liên kết kinh tế và công nghệ khu vực có giá trị cao.

Tóm lại, nếu tận dụng hiệu quả các cơ hội nêu trên, Việt Nam có thể tạo bước nhảy vọt về năng suất, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh quốc gia. Đây là thời điểm mang tính bản lề, nơi mà “thể chế, con người và công nghệ” cùng hội tụ để hình thành một nền tảng phát triển mới vững chắc, sáng tạo và tự chủ hơn.

Những thách thức mang tính cấu trúc và hệ thống

Bên cạnh các cơ hội lớn, Việt Nam cũng phải đối diện với những thách thức chiến lược ngày càng phức tạp và có tính dài hạn.

Thứ nhất, thách thức từ môi trường quốc tế bất định, cạnh tranh gay gắt và các chuẩn mực toàn cầu đang thay đổi. Thế giới đang trong giai đoạn chuyển tiếp đầy bất trắc. Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, xung đột khu vực, xu hướng phi toàn cầu hóa và chủ nghĩa bảo hộ đang làm xói mòn các thiết chế đa phương, tạo áp lực lớn lên các nền kinh tế có độ mở cao như Việt Nam. Đặc biệt, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: CPTPP, EVFTA, RCEP... không chỉ mở ra cơ hội mà còn đặt ra những yêu cầu nghiêm ngặt về cải cách thể chế, tiêu chuẩn lao động, môi trường, chuyển đổi số và công nghệ. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải nâng cao năng lực nội tại về thể chế, khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực để bảo đảm hội nhập sâu rộng nhưng vẫn giữ vững độc lập, tự chủ và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

Thứ hai, thách thức từ yếu tố con người - nền tảng của mọi sự phát triển. Việt Nam đang đối mặt với những hạn chế lớn về chất lượng nguồn nhân lực như: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ còn thấp, năng suất lao động thuộc nhóm thấp nhất khu vực ASEAN, và khoảng cách kỹ năng số ngày càng lớn trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh chóng. Bên cạnh đó, giáo dục - đào tạo còn thiếu gắn kết với thị trường lao động; tư duy sáng tạo, văn hóa làm việc khoa học, kỷ luật chưa trở thành chuẩn mực phổ biến trong xã hội. Những thách thức này không chỉ cản trở việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, vốn

nhấn mạnh vai trò then chốt của khoa học - công nghệ và nhân lực chất lượng cao, mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ mô hình tăng trưởng mới của đất nước. Do đó, việc nâng cao dân trí, cải thiện nền tảng văn hóa - đạo đức lao động, đổi mới căn bản hệ thống giáo dục nghề nghiệp, xây dựng xã hội học tập, coi con người là trung tâm, chủ thể và động lực của sự phát triển, là nhiệm vụ có tính chiến lược, lâu dài.

Thứ ba, thách thức từ tư duy quản trị quốc gia chuta theo kịp yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên số. Hệ thống thể chế và quản trị công hiện nay còn chậm đổi mới, nặng tính thủ tục, hành chính, thiếu tính kết nối và phản ứng linh hoạt với các biến động kinh tế - xã hội. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền theo Nghị quyết số 66-NQ/TW không chỉ là hoàn thiện hệ thống pháp luật, mà còn là đổi mới toàn diện mô hình quản lý, chuyển từ “quản lý - hành chính” sang “kiến tạo - phục vụ”, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, phối hợp liên ngành yếu, kỷ luật công vụ chưa nghiêm và đặc biệt là nạn tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm... vẫn là những rào cản lớn, làm suy giảm niềm tin xã hội cũng như suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia.

Thứ tư, thách thức trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và mục tiêu phát triển bền vững. Việt Nam đang đặt mục tiêu duy trì tăng trưởng GDP cao, đồng thời thực hiện cam kết mạnh mẽ về trung hòa carbon và chuyển đổi xanh. Thực hiện các mục tiêu kép này là một bài toán đầy thách thức trong điều kiện hạn chế về nguồn lực tài chính, công nghệ còn lạc hậu và ý thức cộng đồng về môi

trường chưa cao. Bên cạnh đó, khu vực kinh tế tư nhân được xác định là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế theo Nghị quyết số 68-NQ/TW cũng đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận “vốn xanh”, đổi mới công nghệ và tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế. Điều này đòi hỏi phải có chính sách đồng bộ để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển theo hướng bền vững, sáng tạo, có trách nhiệm xã hội, đồng thời cải cách mạnh mẽ thể chế về quản lý tài nguyên, quy hoạch và giám sát môi trường.

Tóm lại, bốn nhóm thách thức trên vừa có tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược. Đây không chỉ là các trở ngại kỹ thuật, mà là vấn đề về năng lực thể chế, tư duy phát triển và văn hóa quốc gia. Vượt qua được những thách thức này là điều kiện cần thiết để biến các nghị quyết quan trọng của Đảng thành động lực thực sự cho sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

3. Một số định hướng chính sách đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

Một là, đổi mới tư duy phát triển và nâng cao năng lực “quản trị tương lai”.

Trong bối cảnh thế giới bất định, những mô hình phát triển cũ dựa trên tăng trưởng theo chiều rộng, khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ đã không còn phù hợp. Việt Nam cần xác lập một tư duy phát triển mới: Chuyển từ “quản lý” sang “kiến tạo phát triển”, từ “hành chính hóa” sang “dữ liệu hóa”, từ “thích ứng thụ động” sang “chủ động dẫn dắt”. Trọng tâm là xây dựng một nhà nước đủ năng lực tư duy dài hạn, ra quyết định linh hoạt trong môi trường nhiều biến động và có thể chế đủ

manh để thu hút, nuôi dưỡng và phân bổ hiệu quả các nguồn lực phát triển.

Hai là, tập trung thực hiện đồng bộ và hiệu quả bốn đột phá thể chế.

Để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức trong kỷ nguyên phát triển mới, cần đặc biệt chú trọng triển khai đồng bộ, hiệu quả và thực chất bốn nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị. *Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo* (Nghị quyết 57-NQ/TW), cần triển khai theo hướng gắn chặt với nhu cầu của doanh nghiệp và địa phương. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển trong khu vực tư nhân, bảo vệ hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ và đưa công nghệ vào mọi khâu của quản trị quốc gia. *Về hội nhập quốc tế* (Nghị quyết 59-NQ/TW), bảo đảm tính chủ động, có chọn lọc, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm chuẩn mực cao nhất. Tăng cường năng lực đàm phán, dự báo, chủ động tham gia định hình luật chơi toàn cầu, đồng thời phát triển ngành nghề phù hợp với tiêu chuẩn của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. *Về pháp luật và thể chế* (Nghị quyết 66-NQ/TW), ưu tiên hoàn thiện các luật liên quan đến kinh tế số, an ninh mạng, dữ liệu, tài nguyên số và tiêu chuẩn xanh. Xây dựng quy trình xây dựng và ban hành luật, hoạch định chính sách minh bạch, gắn với phân tích chính sách và nâng cao vai trò của các tổ chức trung gian phản biện. *Về kinh tế tư nhân* (Nghị quyết 68-NQ/TW), phát triển khu vực này thành một động lực chiến lược của nền kinh tế. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân đẩy mạnh đổi mới công nghệ, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn

cầu, thị trường vốn và công nghệ tài chính, đồng thời có cơ chế khuyến khích “doanh nghiệp vì phát triển quốc gia”.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực số, nhân lực xanh.

Trong giai đoạn tới, yếu tố con người không chỉ là “trung tâm”, mà phải là “bệ phóng” của mọi đột phá phát triển. Do đó, cần thiết kế các chương trình phát triển nhân lực theo hướng: 1) Nhân lực số phục vụ chuyển đổi số quốc gia; 2) Nhân lực xanh phục vụ kinh tế tuần hoàn và năng lượng tái tạo; 3) Nhân lực lãnh đạo và quản lý cấp chiến lược có tư duy toàn cầu và năng lực kiến tạo. Điều này đòi hỏi phải đổi mới toàn diện giáo dục đại học và dạy nghề; phát triển các mô hình đại học số, học tập suốt đời; và có chính sách đột phá để thu hút, “giữ chân” nhân tài trong cả khu vực công và tư.

Bốn là, tăng cường năng lực quản trị rủi ro và an ninh trong phát triển.

Chú trọng xây dựng hệ thống quản trị rủi ro quốc gia, bao gồm cả các mối đe dọa truyền thống và phi truyền thống như: Biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh mạng, khủng hoảng năng lượng - tài nguyên, và các rủi ro địa chính trị. Hệ thống này dựa trên ba trụ cột: 1) Năng lực dự báo chính sách; 2) Cơ chế phản ứng nhanh và linh hoạt; 3) Cơ chế điều phối liên ngành và liên vùng hiệu quả. Đồng thời, xây dựng năng lực an ninh mạng quốc gia cả về công nghệ, nhân lực và thể chế; củng cố an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh dữ liệu.

Năm là, phát huy vai trò của chính quyền địa phương và quản trị đa cấp.

Quá trình phát triển không thể chỉ dựa vào động lực từ Trung ương. Vì vậy, cần thúc đẩy mạnh mẽ phân cấp, phân quyền, trao quyền thực chất cho chính quyền địa phương đi đôi với cơ chế kiểm soát và trách nhiệm giải trình minh bạch. Mô hình “quản trị đa cấp linh hoạt” sẽ giúp huy động tối đa tiềm năng vùng, tạo không gian chính sách đa dạng, phù hợp với đặc điểm địa phương trong khuôn khổ thống nhất chung của quốc gia.

Tóm lại, từ nay đến năm 2030, bối cảnh thế giới và trong nước sẽ tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường. Trong đó, xu hướng đa cực bất định, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, sự phân mảnh thể chế toàn cầu, cũng như những thách thức an ninh phi

truyền thống sẽ tiếp tục chi phối môi trường phát triển của các quốc gia. Đối với Việt Nam, giai đoạn này vừa là cơ hội chiến lược để bứt phá, vừa là thách thức lớn đòi hỏi sự điều chỉnh kịp thời, linh hoạt và quyết liệt trong tư duy phát triển, cải cách thể chế, nâng cao năng lực quản trị và phát triển con người. Việc triển khai đồng bộ các nghị quyết lớn của Đảng, đặc biệt là các nghị quyết về khoa học - công nghệ, hội nhập quốc tế, thể chế và phát triển kinh tế tư nhân, sẽ là nền tảng để Việt Nam định hình một mô hình phát triển mới, chủ động, tự cường, sáng tạo và bền vững, nhằm hiện thực hóa khát vọng trở thành nước phát triển có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 ■

- ¹ Xem: Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- ² Xem: Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24-1-2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới*.
- ³ Xem: Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30-4-2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
- ⁴ Xem: Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
2. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24-1-2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới*.
3. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30-4-2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
4. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.
5. International Monetary Fund, *World Economic Outlook: Navigating Global Fragmentation*, Washington DC, 2024.
6. OECD, *Economic Outlook*, vol.2023, iss.2, OECD Publishing, Paris, 2023.
7. World Bank, *Vietnam Development Report: Navigating the Digital Divide*, World Bank Vietnam, Hanoi, 2023.
8. United Nations Development Programme, *Human Development Report 2023: Uncertain Times, Unsettled Lives*, New York, 2023.